

Bản án số: 105/2021/DS-ST
Ngày 06 - 7 - 2021
V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến.

Ông Trần Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 470/2020/TLST - DS ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 251/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Quách Cẩm N, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp Thuận L, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Bị đơn:

- Ông Trần Văn C, sinh năm 1963 (vắng mặt).

- Bà Cao Thị L, sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Th, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Thanh B, sinh năm 1968 (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Thuận L, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Quách Cẩm N trình bày:

Trước đây bà có tham gia chơi hui của bà L làm chủ hui, bà tham gia 01 chung ở 01 dây cụ thể: Loại hui 5.000.000 đồng mở ngày 25/01/2017 âm lịch, một tháng khui 01 lần, do dây hui này chỉ có 10 chung nên sau khi mở bà L đã thống nhất với các hui viên là nhập dây hui này vào với dây hui của ông Lê Thanh B, bà Nguyễn Thị N. Do bà cũng có tham gia 01 chung hui của ông B, bà N nên bà đồng

ý, từ đó đây hui này có 34 chung, bà tham gia 02 chung (đã phát sinh tranh chấp 01 chung với ông B, bà N và đã được Tòa án thụ lý giải quyết). Đối với chung hui tham gia của bà L thì hàng tháng bà L là người trực tiếp đến gom tiền hui của bà và đưa cho ông B, bà N, việc bà L có đưa cho ông B hay không thì bà không biết chính xác. Bà đóng được 15 đợt thì bà L tuyên bố vỡ hui và không gom tiền hui nữa, bà L có dẫn bà đến nhà ông B, bà N để thỏa thuận giao cho ông B, bà N gom tiếp chung hui này, ông B, bà N đồng ý nhưng sau đó ông B, bà N cũng không gom hui này nữa. Nay bà yêu cầu bà L, ông C phải trả cho bà số tiền hui bà đã đóng 15 đợt là 75.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà N thay đổi nội dung khởi kiện, bà yêu cầu bà L, ông C trả cho bà số tiền hui là 70.000.000 đồng.

Bị đơn Cao Thị L trình bày:

Bà thống nhất có việc bà mở hui và bà N tham gia 01 chung, loại hui 5.000.000 đồng, mở ngày 25/01/2017 âm lịch, một tháng khui 01 lần, do chỉ kêu được 10 chung nên bà thống nhất nhập vào đây hui của ông B, bà N và được sự đồng ý của các hui viên, các hui viên cũng tham gia khui hui tại nhà ông B, riêng bà N không có đi khui hui nên không biết việc nhập hui này. Sau khi khui hui bà là người trực tiếp gom hui của bà N 15 kỳ sau đó giao tiền cho ông B, việc giao tiền không ký nhận với nhau.

Sau khi bà bể hui, bà có dẫn bà N đến gặp ông B, ông B đồng ý bà N tham gia hui của ông và có yêu cầu bà N đến tham gia khui hui tại nhà ông B và đóng hui trực tiếp cho ông B, không thông qua bà nữa, việc thỏa thuận chỉ bằng lời nói, tuy nhiên sau đó ông B không đồng ý gom phần hui sống của bà N mà chỉ gom hui chết (giữa bà N với ông B cũng có phát sinh tranh chấp).

Nay bà N yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền hui 70.000.000 đồng bà không đồng ý, vì số tiền hui bà gom của bà N bà đã giao cho ông B, nên ông B có trách nhiệm với bà N về số tiền này. Bà thống nhất số tiền hui bà đã gom của bà N là 70.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Thanh B trình bày:

Hui của bà N và bà L ông không biết và không có liên quan.

Đối với ông Trần Văn C, bà Nguyễn Thị N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông C, bà N không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông C, ông B, bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hui mà nguyên đơn đã đóng cho bị đơn nên xác định đây là tranh chấp hui thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hui là 75.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu bị đơn trả số tiền là 70.000.000 đồng, việc thay đổi không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[4] Về nội dung: Tại phiên tòa bà N và bà L thống nhất có việc bà L mở hui 5.000.000 đồng vào ngày 25/01/2017 âm lịch và bà N có tham gia 01 chung, số tiền bà N đã đóng cho bà L là 70.000.000 đồng tương đương với 15 lần khai hui.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Nội dung khởi kiện của bà N yêu cầu bà L, ông C trả số tiền hui nêu trên đã được bà N khởi kiện ông B, bà N vào năm 2019. Tại bản án sơ thẩm số 99/2019/DS – ST ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi và bản án phúc thẩm số 307/2019/DS – PT ngày 18/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N và xác định bà N không tham gia phần hui nêu trên do ông B, bà N làm chủ hui. Tại phiên tòa, bà N xác định bà đồng ý với quyết định của hai bản án nêu trên nên bà khởi kiện yêu cầu bà L, ông C trả số tiền này do bà L đã nhận tiền trực tiếp từ bà và ông C là chồng bà L nên phải cùng có trách nhiệm.

Đối với bà L, bà không kháng cáo bản án sơ thẩm số 99/2019/DS – ST ngày 27/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, sau khi xét xử phúc thẩm bà cũng không có yêu cầu gì nên xác định bà đã đồng ý với quyết định của bản án nêu trên. Tại phiên tòa bà L đồng ý trả số tiền 70.000.000 đồng cho bà N, đối với số tiền mà bà gom hui của bà N và giao cho ông B nhận thì bà sẽ khởi kiện yêu cầu ông B, bà N trả cho bà khi bà có điều kiện. Đồng thời bà xác định ông C có biết các giao dịch hui của bà và các giao dịch hui đều nhằm mục đích phục vụ cho cuộc sống gia đình.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà L, ông C có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hui là: 70.000.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà L, ông C phải chịu là: 3.500.000 đồng (70.000.000 đồng x 5%).

Bà N không phải chịu, đã dự nộp được nhận lại.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Cẩm N. Buộc bà Cao Thị L, ông Trần Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền là: 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L, ông C chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bà L, ông C còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cao Thị L, ông Trần Văn C phải chịu 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) (chưa nộp).

Bà Quách Cẩm N không phải chịu, hoàn trả lại cho bà N 938.000 đồng (chín trăm ba mươi tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011526 ngày 11 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

